

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

CHU MINH HỘI

**TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH ĐẾN BẤT
BÌNH ĐẲNG VỀ THU NHẬP Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 62 31 01 05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - NĂM 2017

Công trình được hoàn thành tại:
Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Người hướng dẫn khoa học: ***PGS.TS. Lê Quốc Hội***
PGS. TS. Nguyễn Thị Nguyệt

Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Trường Giang

Phản biện 2: PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc

Phản biện 3: PGS. TS. Hoàng Trần Hậu

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương vào hồigiờ ... ngày ... tháng... năm 2017.

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
- Thư viện Quốc Gia, Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Chủ đề tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng đã được nghiên cứu từ rất sớm trên thế giới. Một mặt, các lý thuyết được đề xuất vào năm 1993 của Galor và Zeira hay Banerjee và Newman dự báo quan hệ ngược chiều tuyến tính. Mặt khác, lý thuyết của Greenwood và Jovanovic đưa ra năm 1990 tiên đoán về quan hệ hình chữ U ngược, cho rằng phát triển tài chính làm gia tăng bất bình đẳng trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển kinh tế, và chỉ có tác động thu hẹp khoảng cách thu nhập khi khu vực tài chính đã phát triển bão hòa. Một lý thuyết “thấm thấu” (trickle-down theory) do Aghion và Bolton đề xuất năm 1997 cũng giúp giải thích cơ chế tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập thông qua kênh thu nhập của dân cư.

Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả trong phát triển kinh tế - xã hội trong gần 30 năm sau Đổi mới. Tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm liền đã đưa Việt Nam từ một quốc gia có hơn 58% dân số nghèo, đói ở thời điểm năm 1993 giảm liên tục xuống chỉ còn khoảng hơn 8% vào năm 2014. Sự phát triển của hệ thống tài chính, khu vực tài chính nói chung có vai trò đáng kể trong các thành tựu này. Tuy nhiên, những thành tựu ngoạn mục về tăng trưởng và giảm nghèo nhanh đã không đảm bảo thu nhập trong xã hội được phân phối đồng đều. Hệ số Gini chung đã tăng liên tục từ mức 0,34 vào năm 1993 lên 0,433 vào năm 2010; giảm nhẹ vào năm 2012 xuống còn 0,423, nhưng khoảng cách thu nhập của nhóm ngũ phân vị giàu nhất và nghèo nhất vẫn tăng lên, trong khi tỷ trọng thu nhập của 40% dân số nghèo nhất tiếp tục giảm xuống trong giai đoạn 2010-2012.

Bất bình đẳng gia tăng không có lợi cho tăng trưởng kinh tế trong dài hạn và đòi hỏi chi phí khắc phục các hệ quả xã hội là rất lớn, nhất là khi nhận thức về tình trạng này giữa các nhóm xã hội tăng lên. Theo một báo cáo của Ngân hàng Thế giới, hiện nay có 76% dân cư thành thị và 53% dân cư nông thôn Việt Nam quan ngại về tình trạng bất bình đẳng. Bất bình đẳng gia tăng là một trong số các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng một nước đang phát triển như Việt Nam có thể thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình.

Nhóm tác giả Lê Quốc Hội và Chu Minh Hội đã tiến hành các nghiên cứu thực nghiệm, nhưng còn nhiều khoảng trống trong chủ đề này chưa được giải quyết, bao gồm nhưng không giới hạn ở tính hiệu quả của phương pháp nghiên cứu hay tính vững của kỹ thuật ước lượng, tính đại diện của mẫu dữ liệu, và nhất là các kết quả chưa được luận giải cụ thể. Vì vậy, tác giả luận án lựa chọn đề tài “*Tác động của của phát triển tài chính đến bất bình đẳng về thu nhập ở Việt Nam*” làm chủ đề nghiên cứu.

2. Mục tiêu của đề tài luận án

Mục tiêu tổng quát là nghiên cứu tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. Cụ thể hơn như sau:

- + Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực nghiệm về tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập;
- + Nghiên cứu một số kinh nghiệm quốc tế về thúc đẩy phát triển tài chính gắn với mục tiêu giảm nghèo và bất bình đẳng;
- + Khái quát thực trạng phát triển tài chính và bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam;
- + Phân tích các kênh tác động, ước lượng tác động;
- + Luận giải các nguyên nhân chính của sự tác động;
- + Đề xuất các giải pháp, kiến nghị phù hợp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập, kênh tác động và yếu tố ảnh hưởng (nguyên nhân).

Phạm vi nghiên cứu: i) về thời gian, tập trung vào giai đoạn 1990-2014; phần nghiên cứu định lượng chỉ thực hiện cho giai đoạn 2002-2012 do hạn chế về dữ liệu; ii) về không gian, nghiên cứu trên phạm vi cấp quốc gia và cấp tỉnh; và iii) về nội dung, chủ yếu luận giải thực trạng sự tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập, các kênh tác động và yếu tố ảnh hưởng (nguyên nhân), bài học quốc tế và kiến nghị cho Việt Nam.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu cụ thể

4.1 Cách tiếp cận nghiên cứu

- + Cách tiếp cận của nghiên cứu là trên cấp quốc gia và cấp tỉnh.
- + Cách tiếp cận xây dựng mô hình kinh tế lượng để lượng hóa đối tượng nghiên cứu.

4.2 Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

+ *Phương pháp hệ thống hóa, khái quát hóa, tổng hợp*: để thực hiện tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý luận của luận án;

+ *Phương pháp phân tích, thống kê, so sánh*: để phân tích, đánh giá thực trạng, xu thế diễn biến của phát triển tài chính, bất bình đẳng thu nhập, và thực trạng tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam.

+ *Phương pháp mô hình toán kinh tế*: xác định chiều hướng tác động và mức độ tác động.

+ *Phương pháp quy nạp*: để rút ra kết luận về đối tượng nghiên cứu sau khi có kết quả từ phương pháp mô hình toán kinh tế và phương pháp phân tích, thống kê, so sánh.

+ *Phương pháp nội suy và ngoại suy*: để đưa ra các khuyến nghị về chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với đối tượng nghiên cứu.

5. Các đóng góp của luận án

5.1 Đóng góp về mặt học thuật, lý luận

Hệ thống hóa và khái quát hóa các lý thuyết nền tảng, chỉ ra các kênh tác động tiềm năng, các yếu tố ảnh hưởng tới chiều hướng và mức độ tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập.

5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Phân tích được cơ chế tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam, phân nào luận giải các kênh tác động và nguyên nhân, trên cơ sở đó đã đề xuất được các giải pháp và kiến nghị nhằm giải quyết bất bình đẳng gắn với phát triển tài chính.

6. Kết cấu chính của luận án

Ngoài phần Mở đầu, phần Kết luận và Mục lục, luận án được tổ chức thành 4 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý thuyết về tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập

Chương 3: Thực trạng tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam

Chương 4: Quan điểm và giải pháp giải quyết vấn đề bất bình đẳng thu nhập gắn với phát triển tài chính ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

1.1 Các nghiên cứu quốc tế liên quan tới đề tài luận án

1.1.1 Các nghiên cứu lý thuyết

+ Lý thuyết phi tuyến hay giả thuyết hình chữ U ngược của Greenwood và Jovanovic năm 1990;

+ Lý thuyết tuyến tính của Galor và Zeira, Banerjee và Newman năm 1993;

+ Lý thuyết thấm thấu (trickle-down) của Aghion và Bolton năm 1997.

Các quan điểm lý thuyết bổ sung của Kunt và Levine, Galor và Moav, Duflo và Galor, Claessens,

1.1.2 Các nghiên cứu thực nghiệm

+ Các công trình nghiên cứu trên phạm vi quốc gia, điển hình có nghiên cứu của Jalil và Feridun năm 2011, Liang năm 2006 tại Trung Quốc; của Baligh and Pirace năm 2013 tại Iran, của Bitterncourt năm 2010 tại Braxin, hay của Shahbaz và Islam năm 2009 tại Pakistan, hay Ang năm 2010 tại Ấn Độ. Các nghiên cứu này đều ủng hộ giả thuyết tuyến tính cho rằng phát triển tài chính có tác động làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Tuy nhiên, các nghiên cứu của Law và Tan tại Malaysia, của Muhammad và cộng sự tại Iran, Cruz và Imperial tại Phi-lip-pin, Zhang và Chen tại Trung Quốc lại cho thấy hoặc phát triển tài chính làm tăng khoảng cách giàu nghèo, hoặc chưa thể kết luận.

+ Các công trình nghiên cứu trên phạm vi xuyên quốc gia hay quốc tế: Bacarreza và Rioja nghiên cứu các nước nghèo Mỹ La tinh; Batuo và cộng sự, Kai và Hamori nghiên cứu các nước châu Phi; Clarke, Xu và Zou năm 2003, của Honohan năm 2007; của Kappel và cộng sự năm 2012; của Kunt và Levine, hay của Dhrifi năm 2013. Các nghiên cứu này đều tìm thấy bằng chứng phát triển tài chính làm giảm bất bình đẳng thu nhập, nhưng một số trong đó cũng gợi ý những điều kiện sự tác động sẽ trở nên tiêu cực.

1.2 Các nghiên cứu trong nước liên quan tới đề tài luận án

1.2.1 Các nghiên cứu về vai trò của phát triển tài chính

+ Nguyễn Phi Lân và Anwar nghiên cứu dữ liệu cấp tỉnh giai đoạn 1997-2006; Trần Anh Tuấn phân tích dữ liệu cấp quốc gia theo quý trong giai đoạn 1995-2006; Nguyễn Đình Phan nghiên cứu dữ liệu ĐTMS năm

2004; Chu Minh Hội sử dụng dữ liệu ĐTMS các năm 2004 đến 2008. Các nghiên cứu khẳng định phát triển tài chính thúc đẩy tăng trưởng GDP và thu nhập của hộ gia đình.

+ Nguyễn Việt Cường và cộng sự nghiên cứu chỉ ra rằng tín dụng chính sách không chỉ giúp giảm nghèo mà còn giúp thu hẹp khoảng cách thu nhập mặc dù mức độ tác động rất nhỏ. Quách Mạnh Hào nghiên cứu số liệu bảng từ hai cuộc ĐTMS (1992/1993 và 1997/1998) đã kết luận là tín dụng vi mô có thể làm giảm tỷ lệ nghèo đói. Gần đây, Chau và các cộng sự nghiên cứu nhu cầu tín dụng của các hộ gia đình chăn nuôi tại tỉnh Hải Dương với kết quả cho thấy, nhu cầu tín dụng là rất lớn, trong khi phía cung lại thiếu và chưa thể đáp ứng nhu cầu, điều này đã hạn chế khả năng sản xuất và năng suất lao động. Sử dụng số liệu hai cuộc điều tra Nghiên cứu dựa trên dữ liệu Tiếp cận nguồn lực hộ gia đình (VARHS) năm 2008-2010 do TCTK (Việt Nam), Chu Minh Hội cũng cho thấy tín dụng vi mô có vai trò tích cực đối với thu nhập của hộ gia đình nông thôn.

1.2.2 Các nghiên cứu về nhân tố quyết định bất bình đẳng thu nhập

+ Nhân tố tăng trưởng: điển hình có nghiên cứu của của Nguyễn Huy Hoàng năm 2010, Hoàng Thủy Yến năm 2014, Lê Quốc Hội năm 2008; Lê Minh Sơn và cộng sự năm 2014

+ Nhân tố đầu tư: điển hình có nghiên cứu của Chu Minh Hội năm 2014, Tran và Yabe năm 2011;

+ Nhân tố thương mại: điển hình có nghiên cứu của Cao Xuan Dung, Liu năm 2014, hoặc của Jensen và cộng sự, Phạm Đình Long và cộng sự, hay của Hội và Ngọc năm 2015;

+ Các nhân tố khác như di dân, học vấn, đặc điểm vùng miền, nhân khẩu học...: có các nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Phương và cộng sự, của Takahashi, Helbergs, hay của Le và Booth, Cao và Akita.

1.2.3 Các nghiên cứu về tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập

Theo hiểu biết của tác giả trước khi luận án này được thực hiện, tại Việt Nam mới chỉ có hai nghiên cứu của Lê Quốc Hội và Chu Minh Hội trong các năm 2012 và 2013 với cách tiếp cận phân tích định lượng sử dụng dữ liệu bảng theo cấp tỉnh trong giai đoạn 2002-2008 về chủ đề này. Tuy nhiên, còn nhiều khoảng trống chưa được giải quyết, bao gồm tính

vững của ước lượng, tính đại diện của các biến số và nhất là kết quả chưa được luận giải đầy đủ. Đây chính là động cơ của việc thực hiện luận án này.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH ĐẾN BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP

2.1 Cơ sở lý thuyết về phát triển tài chính

2.1.1 Khái niệm tài chính

“Tài chính là hiện tượng đặc trưng bằng sự vận động độc lập tương đối của tiền tệ với chức năng phương tiện thanh toán và phương tiện cất trữ trong quá trình tạo lập hay sử dụng các quỹ tiền tệ đại diện cho những sức mua nhất định ở các chủ thể kinh tế – xã hội. Tài chính phản ánh tổng hợp các mối quan hệ kinh tế trong phân phối các nguồn lực tài chính thông qua tạo lập hay sử dụng các quỹ tiền tệ nhằm đáp ứng yêu cầu tích lũy hay tiêu dùng của các chủ thể (pháp nhân hay thể nhân) trong xã hội” (theo Giáo trình Tài chính học, Nxb. Tài chính, 1997).

2.1.2 Khái niệm phát triển tài chính

Tham khảo các khái niệm liên quan, gồm khái niệm áp chế tài chính (financial repression) của McKinnon và Shaw, tới khái niệm của Ngân hàng Thế giới, Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), của Merton và Bodie, tác giả luận án đưa ra một khái niệm làm việc riêng cho luận án, như sau:

“Phát triển tài chính là sự phát triển của hệ thống các TCTD, chủ yếu hệ thống các NHTM, phản ánh qua sự mở rộng hoặc thu hẹp ở các tiêu thức sau: quy mô tín dụng cho khu vực kinh tế tư nhân (KTTN); khả năng tiếp cận tín dụng và các dịch vụ tài chính khác của hộ gia đình/doanh nghiệp; sự tăng/giảm can thiệp của nhà nước trong điều tiết các dòng vốn tín dụng trên thị trường tín dụng.”

2.1.3 Đo lường phát triển tài chính

Có nhiều tiêu chí xác định phát triển tài chính được phân loại thành 4 nhóm:

+ Độ sâu tài chính: dư nợ tính dụng cho KTTN/GDP, cung tiền M2/GDP, hay dư nợ huy động/GDP.

+ Tiếp cận tài chính: các tiêu chí phổ biến gồm có: tỷ lệ (%) số doanh nghiệp (hoặc SME) có hạn mức tín dụng tại ngân hàng, tỷ lệ hộ gia đình có thể tiếp cận ngân hàng, TCTD.

+ Tính hiệu quả: như tiêu chí khoảng cách lãi suất cho vay – huy động, chênh lệch lãi thuần (NIM).

+ Tính ổn định: như tiêu chí hệ số an toàn vốn của ngân hàng (CAR), hệ số thanh khoản.

2.2 Cơ sở lý thuyết về bất bình đẳng thu nhập

2.2.1 Khái niệm bất bình đẳng thu nhập

Bất bình đẳng thu nhập là khái niệm đề cập hiện tượng thu nhập được phân phối không đều giữa các cá nhân, hoặc hộ gia đình trong xã hội.

2.2. Đo lường bất bình đẳng thu nhập

+ Hệ số Gini: lấy giá trị từ 0 đến 1. Hệ số Gini trong khoảng 0,3 đến 0,45 là phù hợp cho các quốc gia theo đuổi phát triển bền vững.

+ Khoảng cách thu nhập giữa nhóm giàu nhất (ngũ phân vị 5) và nhóm nghèo nhất (ngũ phân vị 1).

+ Tiêu chuẩn 40% của NHTG: nếu tỷ trọng thu nhập của 40% dân số nghèo nhất trong tổng thu nhập của toàn bộ dân cư nhỏ hơn 12% là có sự bất bình đẳng cao về thu nhập; trong khoảng 12% - 17% là có sự bất bình đẳng vừa; và lớn hơn 17% là tương đối bình đẳng.

2.3 Cơ sở lý thuyết về tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập

2.3.1 Giả thuyết phi tuyến

Đây là một lý thuyết tăng trưởng có xem xét tới vai trò của phát triển tài chính trong các giai đoạn phát triển kinh tế khác nhau. Thông qua việc phân tách tác động đến thu nhập của các cá nhân khác nhau trong phân phối thu nhập, lý thuyết này dự báo phát triển tài chính sẽ làm gia tăng khoảng cách thu nhập vào giai đoạn đầu của quá trình phát triển, đến khi hệ thống tài chính phát triển đủ mạnh sẽ có tác động giảm bất bình đẳng thu nhập khi mọi người đều có thể tiếp cận ngân hàng. Lý thuyết này dựa trên mô hình của Greenwood và Jovanovic đề xuất năm 1990.

2.3.2 Giả thuyết tuyến tính

Khi hệ thống tài chính càng phát triển, người nghèo và thu nhập thấp cũng có thể tiếp cận vốn tín dụng dễ dàng để nâng cao vốn con người, sau đó làm việc trong ngành nghề cho thu nhập cao hơn, dần tụ về nhóm thu nhập cao, nên phát triển tài chính có tác động làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Giả thuyết này dựa trên lý thuyết tăng trưởng của Galor và Zeira (1993).

Phát triển tài chính cho phép mọi cá nhân trong nền kinh tế có thể tìm được nguồn tài trợ cho các ý tưởng kinh doanh để họ trở thành doanh nghiệp hoặc ít nhất là không phải đi làm thuê, có thu nhập cao hơn, nên phát triển tài chính sẽ làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Luận điểm này dựa trên lý thuyết tăng trưởng của Banerjee và Newman (1993).

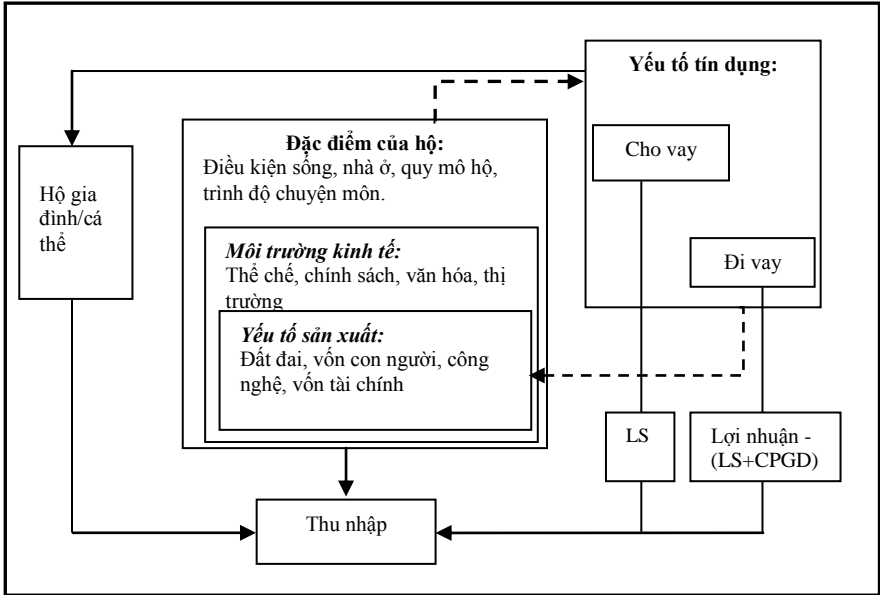
2.3.3 Lý thuyết thâm thấu của Aghion và Bolton

Phát triển tài chính có thể tác động tới bất bình đẳng phân phối thu nhập theo các chiều hướng khác nhau. Nếu phần lớn người cho vay (thông qua gửi tiết kiệm trên hệ thống tài chính, tín dụng) là người giàu và phần lớn người đi vay là người nghèo và thu nhập thấp, thì sau một chu kỳ đầu tư khoảng cách thu nhập có thể giảm xuống, và ngược lại (minh họa trong Hình 2.1).

2.4 Các kênh tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập

2.4.1 Thu nhập của dân cư

Đây là kênh tác động trực tiếp nhìn từ khía cạnh kinh tế học vi mô. Thu nhập của khoản vay (lợi suất đầu tư) thường lớn hơn thu nhập từ lãi suất tiết kiệm, nên nếu đa số người giàu đóng vai trò đi vay và đa số người nghèo hơn đóng vai trò là bên cho vay, thì sự có mặt của thị trường tài chính có thể làm gia tăng bất bình đẳng. Ngược lại, nếu số đông người đi vay là nhóm nghèo và số đông người cho vay là nhóm giàu, bất bình đẳng thu nhập có thể thu hẹp lại, nhưng không nhất thiết và không chắc chắn loại bỏ được sự khác biệt về thu nhập.



Hình 2.1 Tương tác giữa hộ gia đình và thị trường vốn

Nguồn: Elertson và cải biến của tác giả

Ghi chú: LS=Lãi suất; CPGD=Chi phí giao dịch

2.4.2 Tăng trưởng kinh tế

Đây là kênh tác động trực tiếp nhìn từ khía cạnh kinh tế học vĩ mô. Nhờ tác động của phát triển tài chính, nếu tăng trưởng tạo ra số việc làm chính thức lớn và sự phân tán khoảng cách tiền lương thấp giữa những người lao động, thì tăng trưởng sẽ giúp làm giảm khoảng cách thu nhập. Ngược lại, tăng trưởng GDP đi kèm với tỷ lệ thất nghiệp cao, kinh tế phi chính thức lớn, và tồn tại khoảng cách lớn trong tiền lương giữa các lao động khác nhau về trình độ giáo dục, ngành nghề, vùng địa lý thì tăng trưởng kinh tế có thể làm gia tăng bất bình đẳng.

2.4.3 Đầu tư

Mở rộng tín dụng sẽ tạo vốn thúc đẩy đầu tư toàn xã hội, nhưng nếu đầu tư không tập trung vào khu vực thâm dụng lao động kỹ năng thấp, không tạo nhiều việc làm chính thức, thì nó làm gia tăng khoảng cách thu

nhập. Ngoài ra, đầu tư là hành vi tìm kiếm lợi nhuận của nhà đầu tư, nên có thể dẫn tới sự gia tăng khoảng cách thu nhập giữa chủ đầu tư và người lao động làm thuê.

2.4.4 Thương mại

Phát triển tài chính thúc đẩy quá trình thương mại và làm thuận lợi hóa các giao dịch; và nếu tạo ra cơ hội sinh kế cho phần đông người thu nhập thấp, kỹ năng chuyên môn thấp thì nó có thể giúp giảm khoảng cách thu nhập, và ngược lại. Hoặc nếu thương mại chỉ tập trung ở một vài địa bàn kinh tế như các thành phố lớn, các ngành nghề, thì sẽ làm tăng bất bình đẳng thu nhập theo vùng địa lý.

2.4.5 Lạm phát

Phát triển tài chính mà cụ thể là sử mở rộng tín dụng, cung tiền, hay sự thiếu hiệu quả các các thị trường tài chính khác có thể gây ra lạm phát, tác động tiêu cực tới thu nhập thực của người dân, trong đó người nghèo và thu nhập thấp chịu ảnh hưởng lớn nhất. Vì vậy, sự phát triển tài chính không phù hợp sẽ làm gia tăng bất bình đẳng thông qua lạm phát.

2.4.6 Trình độ giáo dục

Trình độ giáo dục của một cá thể có thể được hình thành bởi nhiều yếu tố, như năng lực cá nhân, điều kiện sống, đặc điểm nhân khẩu học, và/hoặc tác động bởi phát triển tài chính (chẳng hạn được vay vốn đi học, hỗ trợ từ tín dụng giáo dục hay quỹ tài chính). Trình độ giáo dục (nhờ có phát triển tài chính) sau đó tác động tới thu nhập và phân phối thu nhập.

2.5 Yếu tố ảnh hưởng tới tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập

2.5.1 Mô hình tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô

Phát triển tài chính thúc đẩy tăng trưởng, nhưng nếu mô hình tăng trưởng tạo ra lượng việc làm trong khu vực chính thức thấp hơn nhiều so với khu vực phi chính thức, thì bất bình đẳng nhiều khả năng sẽ tăng lên. Nếu mô hình tăng trưởng thâm dụng lao động kỹ năng thấp thì có thể làm giảm tình trạng bất bình đẳng thu nhập. Một mô hình tăng trưởng không phù hợp sẽ tăng cường bất ổn định vĩ mô; khi đó, lạm phát thường tăng cao, rủi ro đầu tư lớn, nên người đầu tư sẽ kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận cao hơn, hệ thống tài chính cũng sẽ đặt ra các chi phí và lãi suất lớn hơn để bù

đáp lại các rủi ro có thể gặp phải, cùng với đó hoạt động đầu cơ có thể bùng nổ, ảnh hưởng tiêu cực tới người có nghèo, có thu nhập thấp.

2.5.2 Chất lượng thể chế

Nếu một quốc gia có nền thể chế yếu, hệ thống tài chính phát triển có thể mang tới kết quả là các nguồn lực được dồn về phía những nhóm giàu có, hoặc nhóm có sức mạnh kinh tế và chính trị. Thể chế giám sát trên thị trường yếu kém sẽ dẫn tới rủi ro đạo đức là các ngân hàng sẽ bắt tay với giới chính trị hoặc người có quyền lực để điều tiết các nguồn tín dụng vào các dự án đầu tư có lợi cho các nhóm này, hơn là điều tiết vào các khu vực sản xuất nhỏ lẻ.

2.5.3 Năng lực tham gia thị trường tài chính của chủ thể kinh tế

Năng lực tham gia thị trường quyết định khả năng người dân hay doanh nghiệp có thể được TCTD cho vay vốn, cũng như quyết định hiệu quả sử dụng đồng vốn. Thiếu khả năng này, việc được vay vốn có thể khiến một hộ gia đình làm vào tình trạng nợ nần hơn là thoát nghèo và trở nên giàu có.

2.6 Kinh nghiệm quốc tế về thúc đẩy phát triển tài chính gắn với mục tiêu giảm bất bình đẳng thu nhập

Từ Phi-lip-pin: Phát triển tài chính hòa nhập cho mọi người; Xây dựng khung khổ pháp lý theo tiêu chuẩn quốc tế;

Từ Kenya: Ứng dụng công nghệ thông tin vào mở rộng dịch vụ ngân hàng cho người dân; Giảm các rào cản gia nhập thị trường tài chính;

Từ mô hình Ngân hàng Grameen ở Băng-la-đét: Ngân hàng cho người nghèo; cho vay theo nhóm;

Từ Trung Quốc: Mở rộng tài chính nông thôn; Phát triển tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; dịch vụ ngân hàng đa năng.

2.6 Các bài học kinh nghiệm chung

2.7 Kết luận chương 2 và vấn đề đặt ra

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG VÀ ƯỚC LƯỢNG TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH ĐẾN BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP Ở VIỆT NAM

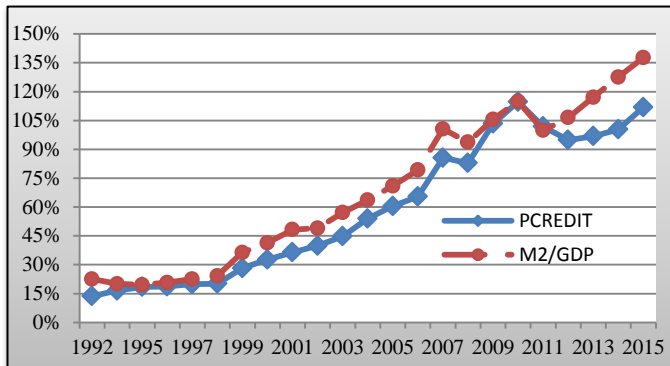
3.1 Thực trạng phát triển tài chính ở Việt Nam

3.1.1 Khái lược quá trình phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng ở Việt Nam

- + Hệ thống các TCTD thực sự hình thành từ đầu những năm 1990;
- + Phát triển nhanh về số lượng, quy mô đến những 2008;
- + Từ sau 2008, hiệu quả hoạt động giảm mạnh, ảnh hưởng tiêu cực tới tăng trưởng GDP và ổn định kinh tế vĩ mô; tội phạm trong ngành có xu hướng gia tăng, phức tạp về phạm vi, quy mô.

3.1.2 Mức độ phát triển tài chính ở Việt Nam

+ Độ sâu tài chính (đư nợ tín dụng cho KTTN/GDP) hay cung tiền M2/GDP có sự gia tăng nhanh chóng cho tới năm 2015 (Hình 3.1).



Hình 3.1: Độ sâu tài chính giai đoạn 1992-2015 (%GDP)

Nguồn: Cơ sở dữ liệu WB cập nhật vào tháng 2/2017.

+ Về tiếp cận tài chính, cũng theo dữ liệu của NHTG, tỷ lệ số chi nhánh NHTM/100.000 người trưởng thành ở Việt Nam cho tới năm 2012 vẫn còn rất thấp, chỉ ở mức 3,2 và nhìn chung đang giảm đi. So sánh trên bình diện quốc tế, chỉ số này của Việt Nam còn thua xa so với nhóm nước có thu nhập trung bình, thậm chí thấp hơn của Đông Ti-mo và chỉ cao hơn so với Lào. Các thống kê của Bộ KH&ĐT, NHTG hiện có cho thấy chỉ có khoảng 30% doanh nghiệp cả nước có điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng. Như thế, phát triển tài chính ở Việt Nam theo tiêu chí độ sâu

đã ở mức độ cao, nhưng nó không tạo ra cơ hội tiếp cận tài chính, tín dụng cho hầu hết các đối tượng của nền kinh tế.

3.2 Thực trạng bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam

Hệ số Gini cho thấy bất bình đẳng thu nhập nhìn chung ở Việt Nam tăng lên suốt từ những năm đầu 1990 đến 2010, giảm nhẹ vào năm 2012; vẫn đang nằm trong ngưỡng hợp lý 0,3-0,45 (theo Cornia và Court) cho theo đuổi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội ổn định. Tuy nhiên, tỷ trọng thu nhập của nhóm 40% dân số nghèo nhất vẫn đang giảm xuống, còn khoảng cách giữa nhóm nghèo nhất và giàu nhất vẫn gia tăng (Bảng 3.1). Bất bình đẳng ở Việt Nam là một hiện tượng đa chiều, phản ánh qua sự chênh lệch thu nhập của dân cư theo các nhóm xã hội khác nhau, bao gồm bất bình đẳng theo vùng, miền, dân tộc, giới tính, các đặc điểm nhân khẩu học...

Bảng 3.1: Các chỉ số bất bình đẳng ở Việt Nam

Năm	2002	2004	2006	2008	2010	2012
Tiêu chuẩn “40%”	17,98%	17,4%	17,4%	16,4%	15%	14,9%
Khoảng cách nhóm 5/nhóm 1 (lần)	8,1	8,34	8,37	8,93	9,23	9,35

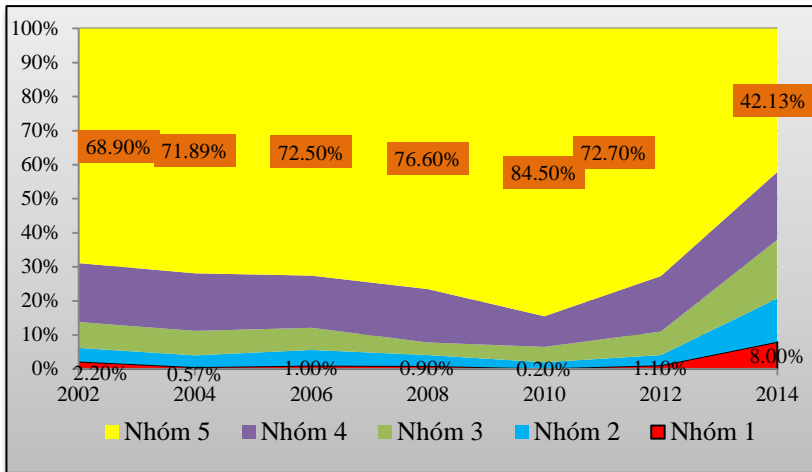
Nguồn: Kết quả ĐTMS các năm từ 2002 đến 2012

3.3 Thực trạng tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam

3.3.1 Tác động thông qua thu nhập dân cư

Luận giải theo lý thuyết thẩm thấu của Aghion và Bolton, cơ chế tác động có thể diễn ra như sau: nếu phần lớn người gửi tiết kiệm (tức bên cho vay thông qua thị trường tín dụng) là thuộc nhóm giàu và phần lớn người đi vay thuộc nhóm nghèo, thì sự mở rộng thị trường tín dụng có thể giúp giảm bớt bất bình đẳng thu nhập, và ngược lại. Các tính toán dựa trên dữ liệu ĐTMS cùng với các bằng chứng khác chỉ ra là hầu hết người gửi tiết kiệm thuộc nhóm giàu nhất, nhưng chiếm đa số trong số người đi vay tín dụng không phải là nhóm nghèo nhất. Cụ thể hơn, trong tổng thu nhập từ lãi suất, tỷ trọng của nhóm 1 gần như biến mất, trong khi tỷ trọng của nhóm 5 ngày càng lớn. Tính chung cả giai đoạn, tỷ trọng thu nhập từ lãi suất của nhóm 5 chiếm khoảng 70% tổng thu nhập từ lãi suất của toàn dân

số, tỷ trọng của nhóm 1 thấp hơn 1% trong giai đoạn 2002-2012, và chỉ đạt mức 8% vào năm 2014 (Hình 3.2).



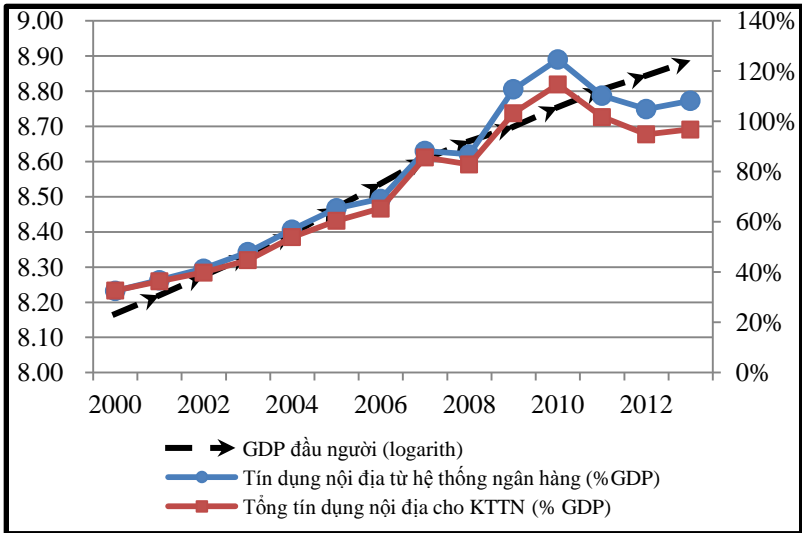
Hình 3.2: Tỷ trọng thu nhập từ lãi suất phân theo nhóm ngũ phân vị

Nguồn: Tác giả tính toán và xử lý từ số liệu ĐTMS

Trong khi đó, thực tế cho thấy hầu hết người nghèo không thể tiếp cận tín dụng chính thức. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm cũng khẳng định điều này, chẳng hạn như các nghiên cứu của Lê Thị Minh Châu và cộng sự tại tỉnh Hải Dương, của Trần Thị Thanh Tú và cộng sự, hay của Vương Quốc Duy. Tác giả kết luận là qua kênh thu nhập của dân cư, phát triển tài chính làm gia tăng bất bình đẳng chung ở Việt Nam.

3.3.2 Tác động thông qua tăng trưởng

Để chỉ ra cơ chế tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập thông qua kênh tăng trưởng, cũng như qua đầu tư hay thương mại, quá trình phân tích có thể chia thành hai bước nối tiếp nhau. Bước một, đánh giá quan hệ giữa phát triển tài chính và các kênh tác động này; bước hai, đánh giá tương quan giữa các kênh tác động và bất bình đẳng thu nhập.



Hình 3.3. Tương quan giữa độ sâu tài chính và tăng trưởng GDP

Nguồn: TCTK, NHTG và xử lý của tác giả

Trước hết, có thể khẳng định phát triển tài chính là một nhân tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng GDP chung cả nước. Các giai đoạn 1991-1996 hay 2000-2007, GDP của Việt Nam có mức tăng trưởng cao hơn so với các giai đoạn khác; các giai đoạn này cũng chứng kiến thị trường tài chính nói chung và thị trường tín dụng nói riêng đã mở rộng mạnh mẽ. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người có tương quan rất mạnh với độ sâu tài chính (Hình 3.3). Các nghiên cứu từ góc độ thực nghiệm điển hình như của Nguyen và Anwar, Tran Anh Tuan, Nguyen Dinh Phan hay Chu Minh Hội cung cấp những căn cứ thuyết phục về tác động thúc đẩy tăng trưởng thu nhập của phát triển tài chính.

Tuy nhiên, phát triển tài chính ở Việt Nam (ở đây là sự mở rộng thị trường tín dụng) không chủ yếu phục vụ cho các hoạt động kinh tế thâm dụng lao động kỹ năng thấp (Bảng 3.2). Kết quả ĐTMS cho thấy trong suốt giai đoạn 2002-2012 luôn có hơn 50% số xã trên cả nước thiếu vốn hoặc gặp khó tiếp cận vốn cho sản xuất nông nghiệp; riêng các năm 2002 và 2004 tỷ lệ này là trên 59%, hay năm 2012 là xấp xỉ 58%. Chỉ riêng hai thành phố lớn nhất cả nước là Tp. Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh đã chiếm tới hơn 50% tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống tài chính trong nhiều năm.

Do đó, sự phát triển tài chính chắc chắn có tác động làm gia tăng khoảng cách thu nhập giữa người lao động theo nhóm ngành kinh tế và theo các địa phương, vùng địa lý.

Bảng 3.2: Cơ cấu tổng dư nợ tính dụng cả nước theo nhóm ngành

Ngành	2006	2008	2010	2011	9/2012	2014	2015	2016
Nông nghiệp	29.2	28.8	9.6	8.8	10.1	9.9	10	10
CN-XD	40	39.15	39.1	39	39.5	35.2	33	32
Dịch vụ	30.8	51.3	51.3	52.5	50.4	54.9	57	58

Nguồn: Tổng hợp của tác giả trên website của NHNN, UBGSTCQG

Xem xét tăng trưởng thu nhập theo nhóm ngũ phân vị, tính chung cả giai đoạn 2002-2012, thu nhập của nhóm 1 tăng trưởng 375%, trong khi con số của nhóm 5 là 448%. Sự so sánh này cho thấy nhóm giàu hơn nhiều khả năng hưởng lợi lớn hơn từ sự mở rộng của thị trường tín dụng tính chung cho giai đoạn 2002-2012, nên phát triển tài chính có tác động làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập thông qua tăng trưởng GDP ở Việt Nam. Có thêm căn cứ để nhận định này trở nên tin cậy hơn bởi thực tế là nền kinh tế phi chính thức ở Việt Nam rất lớn, đóng góp vào giải quyết những hơn 60% tổng việc làm cả nước.

3.3.3 Tác động thông qua kênh đầu tư và thương mại

Vốn tài chính là một đầu vào quan trọng của đầu tư, nên sự mở rộng thị trường tín dụng chắc chắn thúc đẩy hoạt động đầu tư toàn xã hội. Các nghiên cứu thực nghiệm của Newman và O'Tool hay của Trang và Quyên đã chứng minh điều này. Nhưng nền kinh tế phi chính thức lớn là biểu hiện cho thấy mở rộng đầu tư không mang lại cơ hội việc làm cho đa số người dân, và chỉ tập trung một nhóm thiểu số. Vì vậy đầu tư (của KTTN) tạo ra khoảng cách thu nhập là điều có thể giải thích được. Ước lượng tác động của đầu tư tư nhân đến bất bình đẳng thu nhập theo dữ liệu cấp tỉnh trong giai đoạn 2002-2012 đã minh chứng cho điều này (Chu Minh Hội, 2015).

Tương tự, thị trường tín dụng mở rộng là yếu tố thúc đẩy các hoạt động thương mại ở Việt Nam, biểu hiện ở xu thế tăng trưởng mạnh trong kim ngạch xuất - nhập khẩu, tiêu dùng nội địa. Tuy nhiên, sự mở rộng thương mại như vậy cũng không tạo ra cơ hội sinh kế đồng đều cho mọi tầng lớp

dân cư; chủ yếu là nhóm doanh nghiệp lớn, nhóm giàu có hưởng lợi nhờ thương mại phát triển. Sự phát triển thương mại cũng có những tác động tích cực nào đó, chẳng hạn như thu hẹp khoảng cách tiền lương theo giới, nhưng nó có tác động làm gia tăng bất bình đẳng chung. Nghiên cứu của Hội và Ngọc năm 2015 cung cấp các căn cứ thực nghiệm cho nhận định này.

3.4 Ước lượng và kiểm định tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam

3.4.1 Mô hình thực nghiệm

Tham khảo từ các nghiên cứu của Liang, Bittencourt với dữ liệu cấp tỉnh, phương trình ước lượng cho trường hợp Việt Nam như sau:

$$Gini_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \cdot Gini_{i,t-1} + \beta_2 \cdot FD_{i,t} + \beta_j \cdot X_{i,t} + \mu_i + \varepsilon_{i,t}, \text{ với } j > 3 \quad (1)$$

Trong phương trình này:

+ Gini là hệ số Gini, lấy giá trị từ 0 đến 1 biểu thị mức độ bất bình đẳng tăng dần. Khi thực hiện ước lượng, hệ số Gini ở dạng logarith.

+ FD là ký hiệu biểu thị mức độ phát triển tài chính. Trong giới hạn của luận án này, FD được đại diện bởi hai đại lượng với cách tính tương ứng như sau:

$$Pcredit = \frac{\text{Dự nợ tín dụng cho KTTN}}{GDP} \cdot 100\%$$

$$Pcredit_Share = \frac{\text{Tín dụng cho DNTN}}{\text{Tín dụng cho DNTN} + \text{DNNN}} \cdot 100\%$$

+ X là tập hợp các biến kiểm soát khác, bao gồm các biến biểu thị CSTK, đầu tư, FDI, độ mở thương mại, trình độ giáo dục, lạm phát.

3.4.2 Số liệu

Dữ liệu dùng để thực hiện các hồi quy được thu nhập từ các tài liệu, bộ số liệu do TCTK, NHNN công bố.

3.4.3 Kỹ thuật ước lượng và các kiểm định

Phương trình (1) được ước lượng với phương pháp GMM hệ thống; Kiểm định Hansen để xác định tính phù hợp của mô hình định dạng quá cao (over-identification); và kiểm định Arellano-Bond được dùng để phát hiện hiện tượng tự tương quan (Auto-correlation).

3.4.4 Kết quả ước lượng

Các kết quả ước lượng chính được trình bày trong Bảng 3.3 và 3.4 cho thấy phát triển tài chính làm gia tăng hệ số Gini, tức làm gia tăng bất bình đẳng chung ở Việt Nam. Cụ thể hơn:

Cả 6 ước lượng với biến Pcredit làm đại diện cho mức độ phát triển tài chính đều cho hệ số ước lượng nằm trong khoảng từ 0,0022 đến 0,0024 và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, nghĩa là sự tăng lên một điểm phần trăm của độ sâu tài chính (pcredit) có thể dẫn tới hệ số Gini tăng thêm vào khoảng 0,23%.

Bảng 3.3 : Kết quả hồi quy với biến pcredit

Biến giải thích	I	II	III	IV	V	VI
L.Ln(Gini)	0,1418 (1,57)	0,1232 (1,42)	0,1225 (1,27)	0,1354 (1,57)	0,1643* (1,82)	0,1974** (2,05)
Pcredit	0,0023*** (4,14)	0,0022*** (3,88)	0,0023*** (4,02)	0,0022*** (3,75)	0,0022*** (3,28)	0,0024*** (2,72)
Rgdppc	0,0016 (1,17)	0,0021* (1,97)	0,0019 (1,62)	0,0020* (1,86)	0,0015 (1,20)	0,0012 (0,70)
Edu	-0,0334*** (-3,70)	-0,0323*** (-3,57)	-0,0328*** (-3,60)	-0,0309*** (-3,33)	-0,0305*** (-3,32)	-0,0302*** (-3,21)
Inf	0,0038*** (3,51)	0,0039*** (3,52)	0,0040*** (3,31)	0,0039*** (3,62)	0,0038*** (3,54)	0,0034*** (2,83)
Tradeop	-0,0001 (-0,68)	-0,0001 (-0,57)	-0,0001 (-0,66)	-0,0001 (-0,07)	-0,0000 (-0,06)	0,0003 (1,17)
Số quan sát	295	295	295	295	295	295
Số biến công cụ	21	22	23	23	24	24
AR(1) test	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
AR(2) test	0,780	0,842	0,832	0,873	0,833	0,897
Hansen test	0,305	0,287	0,256	0,291	0,290	0,480

Ghi chú:

- 1) Ký hiệu *, **, *** lần lượt cho biết các hệ số ước lượng có ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1%.
- 2) Giá trị ghi trong ngoặc () là độ lệch chuẩn hiệu chỉnh Heteroskedasticity.
- 3) L.Y biểu thị trễ bậc 1 của Y.
- 4) Các ước lượng có một hoặc một số biến khác (biến phản ánh CSTK, đầu tư tư nhân, FDI), nhưng được bỏ ra khỏi bảng kết quả do không phải là biến chính.

Với biến Pcredit_share đại diện cho mức độ phát triển tài chính, có 6 trong 7 ước lượng cho hệ số ước lượng nằm vào khoảng từ 0,0016 đến 0,0019 và có ý nghĩa thống kê trong khoảng 5% hoặc 10%. Nghĩa là sự tăng lên một điểm phần trăm của chỉ số Pcredit_share có thể làm hệ số Gini tăng lên 0,16-0,19%. Một điểm khác biệt của các hồi quy này so với các hồi quy sử dụng biến Pcredit là tác giả sử dụng biến Dotradeop

(thương mại nội địa) thay cho Tradeop (xuất nhập khẩu) để đại diện cho độ mở thương mại.

Bảng 3.4: Kết quả hồi quy với biến Pcredit_share

Biến giải thích	I	II	III	IV	V	VI	VII
L.LnGini	0,0491 0,092	0,0381 (0,082)	0,0400 (0,082)	0,0412 (0,087)	0,0439 (0,086)	0,0613 (0,093)	0,0736 (0,095)
Pcredit_share	0,0019** (0,001)	0,0017* (0,001)	0,0016* (0,001)	0,0016 (0,001)	0,0017* (0,001)	0,0016* (0,001)	0,0016* (0,001)
Rgdppc	0,0012 (0,001)	0,0022** (0,001)	0,0022** (0,001)	0,0020** (0,001)	0,0023** (0,001)	0,0012 (0,001)	0,0013 (0,001)
Edu	-0,0164 (0,010)	-0,0136 (0,010)	-0,0116 (,010)	-0,0134 (0,010)	-0,0109 (0,010)	-0,0108 (0,011)	-0,0155 (0,011)
Inf	0,0019 (0,001)	0,0022* (0,001)	0,0023* (0,001)	0,0022* (0,001)	0,0022* (0,001)	0,0020 (0,001)	0,0021 (0,001)
Dotradeop	0,0003 (0,001)	0,0004 (0,001)	0,0004 (0,001)	0,0004 (0,001)	0,0005 (0,001)	0,0003 (0,001)	0,0002 (0,0001)
Số quan sát	300	300	300	300	300	300	300
Số biến công cụ	32	33	34	36	35	37	37
AR(1)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
AR(2)	0,776	0,748	0,742	0,796	0,762	0,760	0,837
Kiểm định Hansen	0,238	0,263	0,294	0,249	0,305	0,306	0,250

Ghi chú:

- 1) Ký hiệu *, ** lần lượt cho biết các hệ số ước lượng có ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5%.
- 2) Giá trị ghi trong ngoặc (...) là độ lệch chuẩn hiệu chỉnh Heteroskedasticity.
- 3) L.Y biểu thị trễ bậc 1 của Y.
- 4) Các ước lượng có một hoặc một số biến khác (biến phản ánh CSTK, đầu tư tư nhân, FDI), nhưng được bỏ ra khỏi bảng kết quả do không phải là biến chính.

Kết quả cũng cho thấy trình độ giáo dục có thể có tác động giảm bất bình đẳng thu nhập rất hiệu quả. Tương tự, đầu tư của khu vực FDI cũng có thể có hiệu ứng làm giảm bất bình đẳng thu nhập, và có thể lý giải là do khu vực này đã tạo ra một lượng đáng kể việc làm cho lao động phổ thông và lao động có kỹ năng thấp. Lạm phát có tác động tiêu cực, và nếu coi lạm phát là một tín hiệu của CSTT, thì có thể nhận định chung là một

CSTT dẫn tới lạm phát cao sẽ không có lợi đối với nhóm nghèo và thu nhập thấp. Tác động của các biến phản ánh CSTK, độ mở thương mại, đầu tư tư nhân, là chưa thể khẳng định và cần có thêm các nghiên cứu khác. Cuối cùng, chưa có căn cứ ủng hộ lý thuyết của Greenwood và Jovanovic.

3.5 Đánh giá chung về tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam

3.5.1 Các kết luận chung

- + Phát triển tài chính làm gia tăng bất bình đẳng ở Việt Nam
- + Chưa có căn cứ khẳng định quan hệ tuân theo giả thuyết phi tuyến

3.5.2 Các nguyên nhân

Trong giới hạn của luận án này, tác giả nhận định có 3 nhóm nguyên nhân lớn giải thích tại sao phát triển tài chính có tác động làm gia tăng bất bình đẳng ở Việt Nam.

3.5.2.1 Mô hình tăng trưởng và bất ổn kinh tế vĩ mô

- + Tăng trưởng không có tính bao trùm (inclusive): kinh tế phi chính thức lớn, khu vực nông nghiệp không được chú trọng.
- + Nền kinh tế có tính đầu cơ cao: đầu cơ lãi suất ngân hàng, bất động sản, tín dụng đen;
- + Tăng trưởng GDP dựa vào mở rộng cung tiền, tín dụng, dẫn tới lạm phát, bất ổn vĩ mô, và tác động tác tới mức sống của dân cư, trong đó người nghèo chịu ảnh hưởng lớn nhất.

3.5.2.2 Chất lượng thể chế

Chất lượng thể yếu thể hiện ở:

- + Bộ máy hành chính công công kênh (%NSNN cho chi thường xuyên lớn, chiếm đến 70%); quản lý NSNN không hiệu quả;
- + Quản lý thị trường đất đai, nhà ở lỏng lẻo;
- + Quản lý thị trường tài chính, tín dụng, chứng khoán không theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Các mục tiêu tăng trưởng tín dụng, cung tiền hàng năm vẫn đặt theo chỉ tiêu kế hoạch, phi thị trường.
- + Tội phạm ngân hàng ngày càng lớn về phạm vi, quy mô
- + Tín dụng đen diễn ra khắp nơi (bình quân một ngày có 3-4 vụ vỡ nợ).

3.5.2.3 Năng lực tham gia thị trường tài chính của cá thể kinh tế

Năng lực tham gia thị trường tài chính còn hạn chế biểu hiện ở:

+ Trình độ học vấn chung của người dân còn thấp; kỹ năng quản lý sử dụng các công cụ tài chính còn hạn chế; năng lực sáng tạo trong hoạt động kinh tế thấp; nhiều người được vay vốn có thể rơi vào cảnh nợ nần.

+ Hộ gia đình có nhận thức về tín dụng tiêu dùng chủ yếu sinh sống ở đô thị, nhưng tỷ lệ hộ có nhận thức về các dịch vụ ngân hàng vẫn thấp.

+ Tín dụng “đen” hoạt động mạnh gây thiệt hại và cho nhiều cá nhân, hộ gia đình, và dù có nhiều cảnh báo, vụ việc vỡ nợ, nhưng nhiều người vẫn tham gia các loại hình tín dụng này.

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP GẮN VỚI PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH

4.1 Quan điểm về bất bình đẳng thu nhập, phát triển tài chính và giải quyết bất bình đẳng thu nhập gắn với phát triển tài chính

4.1.1 Quan điểm về bất bình đẳng thu nhập

+ Định hướng của Nhà nước: “Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Phát triển đồng bộ, hoàn chỉnh và ngày càng hiện đại các loại thị trường. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý và phân phối, bảo đảm công bằng lợi ích, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”.

+ Quan điểm của tác giả: bất bình đẳng là điều không thể tránh khỏi trong bất kỳ xã hội nào, nhưng có thể xây dựng các chính sách nhằm duy trì một mức độ bất bình đẳng có lợi cho tăng trưởng dài hạn.

4.1.2 Quan điểm về phát triển tài chính

+ Định hướng của Nhà nước: Phát triển đồng bộ các loại thị trường, tái cấu trúc thị trường tài chính và dịch vụ tài chính; mở rộng và đa dạng hóa các hình thức hoạt động trên thị trường để động viên các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển kinh tế - xã hội.

+ Quan điểm của cá nhân của tác giả: hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam hiện nay đang hoạt động không hiệu quả và rất thiếu ổn định, và đang hỗ trợ cho mô hình tăng trưởng đầu cơ, nên có tác động làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập. Nhà nước cần có chính sách thúc đẩy hòa nhập tài chính.

4.1.3 Quan điểm về giải quyết bất bình đẳng thu nhập gắn với phát triển tài chính

Quan điểm tổng quát: Vốn tín dụng ngân hàng là yếu tố quan trọng đối tăng trưởng kinh tế, và tăng trưởng kinh tế là kênh tác động quan trọng nhất đến phân phối thu nhập.

Quan điểm cụ thể: có thể lợi dụng một chiến lược thúc đẩy hòa nhập tài chính làm như một phương tiện tác động làm phân phối thu nhập trở nên bình đẳng hơn, trong đó tác động chủ yếu được thực hiện thông qua tăng trưởng kinh tế.

4.1.4 Cơ hội và thách thức của Việt Nam trong việc thúc đẩy hòa nhập tài chính như một động lực của tăng trưởng bao trùm và giải quyết bất bình đẳng thu nhập

Cơ hội biểu hiện ở: Tỷ lệ dân số tiếp cận tài chính ở Việt Nam hiện nay đang ở mức rất thấp, nguồn tiết kiệm trong dân có khả năng rất lớn, hạ tầng ngành tài chính còn kém phát triển trong bối cảnh công nghệ thông tin ngày một phát triển và Việt Nam đang hội nhập quốc tế rất mạnh mẽ.

Thách thức biểu hiện ở: chất lượng giáo dục – đào tạo có chiều hướng đi xuống; KTNN vẫn giữ vai trò chủ đạo nên không tránh khỏi sự độc quyền ở chừng mực nào đó trong điều tiết vốn tín dụng ngân hàng; hạ tầng pháp lý liên quan tới quản lý thị trường tài chính, tín dụng chưa hòa thiện.

4.2 Một số giải pháp và kiến nghị về giải quyết bình đẳng thu nhập gắn với phát triển tài chính ở Việt Nam

4.2.1 Các căn cứ của giải pháp

- + Bài học kinh nghiệm quốc tế;
- + Kết quả nghiên cứu gồm phân tích thực trạng, ước lượng tác động và luận giải các nguyên nhân;
- + Quan điểm, cơ hội và thách thức liên quan tới phát triển tài chính và bất bình đẳng ở Việt Nam.

4.2.2 Các giải pháp cụ thể

4.2.2.1 Đổi mới cơ chế, chính sách ổn định kinh tế vĩ mô

Đổi mới chính sách tài khóa: thẻ chế hóa CSTK phân chu kỳ, lấy mục tiêu ổn định vĩ mô làm trọng tâm; hỗ trợ thị trường phát triển và hoàn

thiện, không nhằm tạo ra tăng trưởng GDP, và thiết lập các kỷ luật tài khóa (xem Trần Đình Thiên và Chu Minh Hội, 2016).

Đổi mới chính sách tiền tệ: thể chế hóa CSTT với mục tiêu quan trọng nhất là kiểm soát mức giá; loại bỏ cơ chế điều hành CSTT theo cách đặt ra các chỉ tiêu tăng trưởng theo kế hoạch; bỏ tình trạng áp chế tài chính (chẳng hạn trần lãi suất, tăng trưởng tín dụng, cung tiền); áp dụng các tiêu chuẩn quản trị ngân hàng quốc tế (Hiệp ước Basel II, Basel III); đẩy lui hoạt động tín dụng “đen” và hoàn thiện pháp luật về tín dụng “đen”.

4.2.2.2 Thúc đẩy tín dụng nông nghiệp, nông thôn

Khuyến khích hình thành và phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất trên quy mô lớn, sử dụng nhiều lao động; hoàn thiện thể chế pháp lý, xây dựng, quản lý ổn định các quy hoạch vùng nông nghiệp chuyên canh; các Bộ, Ngành liên quan cần phối hợp và thường xuyên giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn; mở rộng hơn nữa hình thức và đối tượng cấp tín dụng; hỗ trợ tín dụng trực tiếp trong các trường hợp đặc biệt như để khắc phục thiên tai; ưu đãi thuế TNDN đối với các khoản lợi nhuận phát sinh từ tín dụng cấp cho khu vực nông nghiệp, nông thôn của các TCTD.

4.2.2.3 Tăng cường tiếp cận tài chính

+ *Xây dựng chiến lược quốc gia về hòa nhập tài chính* với nguyên tắc cơ bản là nhằm tạo ra cơ hội tiếp cận tín dụng và các công cụ tài chính khác để tạo lập cơ hội sinh kế và thu nhập cho tất cả mọi người, đặc biệt là đối với nhóm nghèo, thu nhập thấp và các nhóm yếu thế trong xã hội.

+ *Nâng cao năng lực tham gia thị trường tài chính các cá thể kinh tế* thông qua: các tổ chức hội quần chúng; hỗ trợ của NHNN, phối hợp giữa NHNN, các TCTD, chính quyền địa phương và các đơn vị truyền thông đại chúng.

4.2.3 Một số kiến nghị về giải quyết mối quan hệ tăng trưởng - bất bình đẳng gắn với phát triển tài chính

+ Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại gắn nhằm tác động với quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội;

+ Khuyến nghị về đổi mới mô hình tăng trưởng công bằng hơn với nhóm yếu thế; đổi mới cơ cấu đầu tư toàn xã hội.

KẾT LUẬN

Phát triển tài chính, mà cụ thể hơn là sự phát triển của thị trường tín dụng, là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế, sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô, và tác động tới phân phối thu nhập. Thông qua việc hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, bài học quốc tế, tác giả luận án vận dụng và phân tích thực trạng ở Việt Nam và ở một chừng mực nhất định đã chứng minh phát triển tài chính làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập theo bốn kênh tác động chủ yếu: thu nhập của dân cư, tăng trưởng GDP, đầu tư, và thương mại. Mọi quan hệ phát triển tài chính-bất bình đẳng ở Việt Nam không tuân theo giả thuyết tuyến tính của Galor và Zeira hay của Banerjee và Newman, và cũng chưa thể khẳng định tuân theo giả thuyết hình chữ U ngược của Greenwood và Jovanovic. Sự tác động này được luận giải với ba nguyên nhân chính là: chất lượng thể chế yếu, mô hình tăng trưởng chưa hợp lý và thiếu ổn định vĩ mô, và sự hạn chế về năng lực tham gia thị trường tài chính của các chủ thể kinh tế.

Mặc dù đã nỗ lực, nhưng sự thiếu sẵn có của các nguồn thông kê dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu theo cấp tỉnh, nên tác giả chưa thể phân tích tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng theo nhiều chiều cạnh khác nhau. Ngoài ra, cũng do hạn chế khách quan về dữ liệu và tài liệu, luận án chưa thể luận giải đầy đủ các kênh tác động, mẫu nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế từ còn thiếu trường hợp nước phát triển; luận án mới chỉ ra được các giải pháp định hướng. Tác giả luận án sẽ tiếp tục theo đuổi chủ đề nghiên cứu này trong tương lai, và cũng khuyến nghị có thêm những nghiên cứu mới cùng chủ đề để làm rõ thêm các cơ sở của các kết luận của nghiên cứu này.

Tác giả luận án mong muốn kết quả nghiên cứu sẽ được cơ quan quản lý nhà nước tham khảo khi tiến hành thiết kế các chính sách an sinh xã hội liên quan tới hạn chế hay duy trì mức độ bất bình đẳng hợp lý thông qua các công cụ trên thị trường tài chính nói chung, thị trường tín dụng nói riêng./.

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Chu Minh Hội and Le Quoc Hoi (2012), “Financial development and Income inequality in Vietnam: An empirical analysis”, *Journal of Economics and Development*, 14(2), pp.5-25.
2. Chu Minh Hội (2013), “Tác động của tín dụng vi mô đến mức sống hộ gia đình nông thôn”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (8), tr.22-24.
3. Le Quoc Hoi and Chu Minh Hoi (2013), “Financial sector development and income inequality in Vietnam: Evidence at the provincial level”, *Journal of Southeast Asian Economies*, 30(3), pp. 263–277.
4. Chu Minh Hội (2014), “Quan hệ giữa tiếp cận tài chính và thu nhập”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, Số CĐ tháng 6, tr.10-13.
5. Chu Minh Hội và Đồng Bích Ngọc (2015), “Tác động của phát triển thương mại đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam: Lý thuyết và thực tiễn”, *Nghiên cứu Kinh tế*, (2), tr.24-33.
6. Trần Đình Thiên, Phạm Thế Anh, Phạm Sỹ An, và Chu Minh Hội (2015), “Phát triển và dự do hóa thị trường vốn”, trong *Báo cáo Phát triển nền kinh tế thị trường Việt Nam 2014*, Nxb. Tri Thức, tr. 367-430.
7. Lê Quốc Hội và Chu Minh Hội (2015), Tác động của phát triển tài chính đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam, *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, (8), tr. 2-17.
8. Chu Minh Hội (2015), “Đầu tư tư nhân và bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (5), tr. 16-19.
9. Chu Minh Hội (2015), “Phát triển tài chính: Khái niệm, đo lường và thực trạng ở Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (3), tr. 15-17.
10. Tran Dinh Thien and Chu Minh Hoi (2016), “Counter-cyclical fiscal policy in Vietnam economy”, *European Journal of Business and Social Sciences*, 4(10) pp.13-25.
11. Le Quoc Hoi, Chu Minh Hoi (2016), “Credit Market Depth and Income Inequality in Vietnam: A Panel-Data Analysis”, *Journal of Economics and Development*, 18(2) pp. 5-18.